TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-PT
Ngày: 06/01/2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022, về: ”*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2022/QĐPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ (tên gọi khác: Nữ), sinh năm 1953. Có mặt

HKTT: Ấp Ruộng Sạ 2, xã Phong Đông, huyện V, tỉnh K.

Địa chỉ tạm trú: Thôn Phú An, xã Phú Hội, huyện Đ, tỉnh L.

2. Bị đơn: Anh Thái Văn H, sinh năm 1987. Có mặt

HKTT: Ấp Ruộng Sạ 2, xã Phong Đông, huyện V, tỉnh K.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Tây Sơn 1, xã Đông Yên, huyện A, tỉnh K.

Địa chỉ tạm trú mới: Khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, Tp. T, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trương Thiện A (Lộc), sinh năm 1976. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

HKTT: Ấp Ruộng Sạ 2, xã Phong Đông, huyện V, tỉnh K.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố Mỹ Khoan, thị trấn Hiệp Phước, huyện N, tỉnh Đ.

3.2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1978. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Ruộng Sạ 1, xã Vĩnh Phong, huyện V, tỉnh K.

3.3. Anh Trương Phạm T1, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Phú An, xã Phú Hội, huyện Đức T, tỉnh L.

3.4. Chị Trần Lý H1, sinh năm 1990. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Tây Sơn 1, xã Đông Yên, huyện A, tỉnh K.

3.5. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 28/4 tổ 15, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố T, tỉnh B.

3.6. Anh Thái Văn H, sinh năm 1990. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

HKTT: Ấp Ruộng Sạ 2, xã Phong Đông, huyện V, tỉnh K.

Địa chỉ: Tổ 05, khu phố Hòa LA 2, phường Thuận Giao, thị xã T, tỉnh B.

3.7. Anh Thái Minh N, sinh năm 1999. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 28/4 tổ 15, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố T, tỉnh B.

4. Người kháng cáo: Anh Thái Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Đ trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang có tranh chấp với anh Thái Văn H là của cụ ngoại Phan Văn T (đã chết) để lại cho cha Phạm Công T1 (đã chết năm 1988) và mẹ Phan Thị T2 (đã chết năm 1973). Đến khoảng năm 1974-1975 thì bà được cha tặng cho lại toàn bộ phần đất này, diện tích chiều ngang mặt tiền khoảng 36m, chiều dài thì không nhớ cụ thể. Bà trực tiếp sử dụng phần đất này khoảng năm 1975, quá trình sử dụng đất có kê khai và đóng thuế. Năm 1990 bà đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa xanh *(giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đây được viết tắt là: giấy CNQSD đất)*. Đến ngày 22/02/2004 thì được cấp đổi lại giấy CNQSD đất bìa đỏ, phần đất thuộc thửa 478, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.260m^2 (đất ở 300m^2, đất vườn 960m^2), ấp Ruộng Sạ 1, xã Vĩnh Phong (nay là ấp Ruộng Sạ 2, xã Phong Đông), hiện nay bà đang giữ bản gốc, không thế chấp...Cũng năm 1990 bà có chia cho con Trương Thiện A phần đất giáp Trần Văn N đo qua chiều ngang 18 mét x dài từ giáp sông Cạnh Đền đến ruộng; phần đất còn lại cho Trương Phạm T3 năm 2021 (phía giáp Lâm Văn N1). Việc cho đất chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ hay bất kỳ thủ tục gì và hiện bà vẫn còn đang đứng tên giấy CNQSD đất. Phần đất hiện còn trống chưa sử dụng.

Khoảng năm 2010 khi Luật đất đai sửa đổi thì gia đình có tiến hành các thủ tục để đăng ký, đo đạc lại đất thì anh Thái Văn H ngăn cản nên bà có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, nhưng kết quả không thành. Tháng 5/2021 thì cháu nội bà là Trương Thị Ái L (con Trương Thiện A) chết nên chỉ Trương Thiện A,

Trương Phạm T3 có đưa cháu về để chôn cất trên phần đất của Trương Phạm T3, nhưng Thái Văn H đứng ra ngăn cản nên bà nghe A và T3 báo lại chôn cháu Ly trên phần đất của Trương Thiện A, lúc chôn cất có Thái Văn H chứng kiến (chính quyền có lập biên bản). Khoảng 21 ngày sau khi chôn cháu L thì anh Thái Văn H có thuê xe cuốc vào san lấp mặt bằng làm ảnh hưởng đến nền mộ của cháu L và phá một số cây cối trên đất. Gia đình có báo chính quyền địa phương lập biên bản sự việc, sau đó bà có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, nhưng kết quả không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị Đ tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc: Không yêu cầu Thái Văn H trả đất và công nhận phần đất. Chỉ yêu cầu buộc anh H chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà theo đo đạc thực tế.

- Bị đơn anh Thái Văn H trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang có tranh chấp với bà Phạm Thị Đ là của cụ nội là Thái Văn Q (Q) tặng cho cha mẹ anh là ông Thái Văn Đ (đã chết năm 2001) và bà Nguyễn Thị B với diện tích khoảng hơn 1.000m^2, đất ở và đất vườn, đất tọa lạc tại ấp Ruộng Sạ 2, xã Phong Đông, huyện V, tỉnh K. Cha mẹ có 03 người con, gồm: Thái Văn H, Thái Văn H và Thái Minh N. Phần đất đang có tranh chấp với bà Phạm Thị Đ là của cha mẹ, vì chưa tặng cho hoặc để thừa kế cho ai. Ranh giới giáp đất bà Phạm Thị Đ là cây me (toàn bộ cây me là bên phần đất của bà Đ, phần đất bên gia đình anh là giáp gốc cây me); phía giáp với ông Lâm Văn N có trụ đá, do bà Đ cặm lúc nào không phát hiện, vì thời điểm đó anh không ở tại phần đất này. Hiện trạng phần đất này đang để trống, không ai sử dụng. Trước đây khi cha còn sống thì cả gia đình cất nhà ở trên phần đất này, đến khoảng năm 2007 thì mới cất nhà ở chỗ khác (cách phần đất này khoảng 700-800 mét), vì lý do tại đây không có đất ruộng để sử dụng và khó khăn trong làm ăn kinh tế cho gia đình.

Theo anh H thì phần đất trong giấy CNQSD đất số V 830771, ngày 24/7/2003 do Ủy ban nhân dân huyện V *(Ủy ban nhân dân, sau đây được viết tắt là UBND)* cấp cho cha anh là ông Thái Văn Đ thửa 466, tờ bản đồ số 02, có diện tích 672m^2 là không đúng với thực tế vị trí đất hiện tại. Việc phát hiện phần đất gia đình sử dụng không đúng với vị trí so với giấy CNQSD đất là khoảng năm 2007, vì lúc đó hai bên đã phát sinh tranh chấp và đối chiếu sơ đồ địa chính tại UBND xã P. Từ khi phát hiện việc sai sót này anh có đến cơ quan chuyên môn để yêu cầu chỉnh sửa lại giấy CNQSD đất nhưng do hai bên đang tranh chấp nên chưa chỉnh sửa được. Vào năm 2021 anh Trương Thiện A và anh Trương Phạm T3 có định chôn cháu L là con của anh A trên phần đất phía giáp Lâm Văn N, nhưng anh không đồng ý nên ngăn cản cháu L được chôn giáp đất Trần Văn N1 (khi đó chính quyền địa phương có lập biên bản) và anh có chỉ ranh giới để cho anh A, anh T3 xây mộ cháu, lúc đó chưa đào nguyệt. Khoảng hơn 15 ngày sau anh phát hiện mộ và một phần nhà mộ nằm qua đất của anh, nhưng do gia đình bà Đ không ai ở đó nên anh cũng không có ý kiến gì và cũng không báo chính quyền địa phương. Từ khi gia đình anh dỡ nhà đi nơi khác thì đến nay không còn ai sinh sống trên đất, hiện phần đất tranh chấp đang để trống

Nay anh không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, vì phần đất này là của cha mẹ anh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trương Thiện A trình bày: Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của mẹ là bà Phạm Thị Đ. Phần đất này hiện tại bà Đ vẫn đứng tên giấy CNQSD đất. Năm 1996 anh cưới vợ là Phạm Thị T, đến tháng 7/2021 thì vợ chồng đã ly hôn, về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu gì đối với phần tài sản. Phần đất anh được mẹ tặng cho hiện nay bỏ trống, không ai sử dụng, kể cả phần đất đang có tranh chấp với anh Thái Văn H. Nay không yêu cầu Thái Văn H bồi thường thiệt hại tài sản trên đất.

2. Anh Trương Phạm T3 trình bày: Thống nhất theo lời trình bày, yêu cầu của mẹ là bà Phạm Thị Đ cũng như lời trình bày của anh Trương Thiện A nêu trên. Anh xác định hiện nay vẫn còn thuộc quyền quản lý của mẹ là bà Phạm Thị Đ nên bà Đ được quyền tự quyết định. Anh không có ý kiến yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này.

3. Các ông/bà Phạm Thị T, Trần Lý H, Nguyễn Thị B, Thái Văn H, Thái Minh N có ý kiến: Xác định phần đất đang có tranh chấp giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Đ với bị đơn anh Thái Văn H không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh K đã xét xử, quyết định:

Buộc bị đơn anh Thái Văn H chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất có diện tích 862,2m^2, thuộc thửa số 478, tờ bản đồ số 02, theo giấy CNQSD đất số U 483229 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận cấp ngày 22/02/2004 mang tên Hộ ông (Bà) Phạm Thị Đ. Có nêu chi tiết, vị trí thửa đất theo trích đo.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ về việc buộc bị đơn anh Thái Văn H phải trả lại phần đất tranh chấp và công nhận phần đất này cho bà Phạm Thị Đ.

Đối với công trình kiến trúc trên đất tranh chấp: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 09/9/2022 bị đơn anh Thái Văn H có đơn kháng cáo: Anh H không đồng ý trả lại phần đất đang tranh chấp có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 869,2m^2 cho bà Phạm Thị Đ. Anh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận cho anh quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 869,2m^2, tọa lạc như nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- Nguyên đơn bà Đ yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn anh H trình bày: Năm 2003 trên đất có căn nhà tạm của ông nội (là ông Q), do bị bệnh nên dỡ nhà đi nơi khác để ở, năm 2007 ông Q chết. Ngoài ra,

thì ông nội là ông Q không có để lại giấy tờ gì về nguồn gốc đất. Phần đất của cha là ông Thái Văn Đ được cấp giấy chứng nhận là nằm ở vị trí khác, nhưng hiện nay trên đất của cha anh thì người họ hàng đã sử dụng, do anh H không có mâu thuẫn với những người này nên anh không kiện đòi đất được. Anh H khẳng định vị trí đất của gia đình là tại vị trí đất đang tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Ông Thái Văn Đ là cha của anh H đã được cấp giấy chứng nhận là quyền sử dụng đất tại thửa 466, còn thửa đất tranh chấp là thửa 478 nằm trong giấy CNQSD đất cấp cho bà Đ, nên không có liên quan đến phần đất của gia đình anh H. Quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh H. Đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST, ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh K.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ và có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung vụ án như sau*: Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích là 877,9m^2, tọa lạc tại ấp Ruộng Sạ 2, xã Phong Đông, huyện V, tỉnh K. Căn cứ theo Tờ trích đo địa chính số TĐ 10-2022, ngày 07/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V lập (BL 182). Phần đất tranh chấp thuộc thửa số 478, tờ bản đồ số 02, theo giấy CNQSD đất số U 483229, do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 22/02/2004 cho "Hộ" bà Phạm Thị Đ (BL 252). Theo Công văn số 56/TNMT-ĐĐ, ngày 11/8/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi Trường huyện V xác định phần đất là cấp cho cá nhân bà Phạm Thị Đ. Đồng thời cũng khẳng định phần đất tranh chấp là nằm trong giấy CNQSD đất cấp cho bà Đ (BL 238); Hiện nay phần đất này để trống, trên phần đất tranh chấp có một phần mộ của cháu Trương Thị Ái L được chôn năm 2021 (cháu L là con của anh Trương Thiện A và là cháu nội của bà Phạm Thị Đ).

[3] *Xét kháng cáo của anh Thái Văn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:* Về phần đất tranh chấp có nguồn gốc do gia đình bà Đ khai phá, sử dụng và bà Đ đã thực hiện các thủ tục đăng ký kê khai và được cấp giấy CNQSD đất số U 483229, ngày 22/02/2004. Việc cấp giấy chứng nhận cho bà Đ đến nay không ai tranh chấp hay khiếu nại. Như vậy, đối với phần diện tích đất tranh chấp thì bà Đ đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Mặt khác, theo kết quả xác minh được biết: Trước đây ông nội của anh H là cụ Thái Văn Q (Q) có cất

nhà trên phần đất này là do được cụ Hai T (là ông ngoại của bà Đ) cho ở nhờ, sau đó thì ông Q cùng gia đình cũng đã dỡ nhà và đến nơi khác ở (BL 144-146).

Đối với việc anh H cho rằng phần đất tranh chấp là của cha là ông Thái Văn Đ, anh H có cung cấp bản sao không có công chứng chứng thực giấy CNQSD đất số V 830771, ngày 24/7/2003 do UBND huyện V cấp cho Hộ ông Thái Văn Đ, tuy nhiên các thửa đất được cấp trong giấy CNQSD đất là các thửa số 174 và 466, hoàn toàn không có liên quan gì đến thửa đất đang tranh chấp là thửa 478 nằm trong giấy chứng nhận cấp cho bà Đ đứng tên. Ngoài ra, anh H không cung cấp được chứng cứ có giá trị pháp lý chứng minh về nguồn gốc, quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất. Hơn nữa, từ trước đến nay anh H cũng không thực hiện thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đối với phần đất này vào hồ sơ địa chính theo quy định nên không có căn cứ xem xét nguồn gốc đất của anh H, cũng như không có cơ sở xác định anh H là người có quyền sử dụng hợp pháp tại phần đất tranh chấp.

Vì vậy, hành vi của anh H ngăn cản không cho bà Đ được thực hiện quyền sử dụng đất là hành vi trái với quy định tại khoản 10 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013 về việc *"Cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định pháp luật"*. Do đó, bản án sơ thẩm buộc anh H chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật. Cho nên, xét kháng cáo của anh H về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp cho anh H được quyền sử dụng là không có cơ sở chấp nhận.

Các phần khác của bản án, quyết định không kháng cáo có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét.

[4] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, nhận thấy quyết định của bản án dân sự sơ thẩm về việc buộc anh H chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất là phù hợp và có căn cứ. Thống nhất đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc: Không chấp nhận kháng cáo của anh H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST, ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh K.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Là 3.716.000đ, gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 966.000đ và chi phí thẩm định giá là 2.750.000đ. Buộc anh Thái Văn H phải nộp. Do bà Phạm Thị Đ đã nộp tạm ứng nên anh H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Đ số tiền 3.716.000đ.

[6] *Về án phí dân sự*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà Đ thuộc T3 hợp "Người cao tuổi" và có yêu cầu nên miễn nộp.

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc anh Thái Văn H phải nộp án phí với số tiền là 300.000đ.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* là 300.000đ, buộc anh Thái Văn H phải nộp, do kháng cáo của anh H không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều: 100, 101, khoản 10 Điều 12, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Thái Văn H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST, ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh K.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Thái Văn H chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất có diện tích 862,2m^2 thuộc thửa số 478, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 483229, ngày 22/02/2004 do UBND huyện V cấp cho bà Phạm Thị Đ. Đất tọa lạc tại ấp Ruộng Sạ 2, xã Phong Đông, huyện V, tỉnh K.

Phần đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,8, cụ thể: cạnh 4-3=16,39m (giáp Lộ liên ấp), cạnh 2-1=15,84m (giáp đất Phạm Thị Đ), cạnh 2-3=54,91m (giáp đất Lâm Văn L (Lâm Văn N)); cạnh 4-5=23,63m, cạnh 5-8=4,77m và cạnh 8-1=25,66m (đều giáp đất Phạm Thị Đ). Căn cứ theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/02/2022 do Tòa án lập và Tờ trích đo địa chính số TĐ 10-2022, ngày 07/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V (BL 182).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ về việc buộc anh Thái Văn H trả lại phần đất tranh chấp và yêu cầu công nhận phần đất này cho bà Phạm Thị Đ.

3. Đối với cây trồng và tài sản trên đất (công trình kiến trúc), do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về chi phí tố tụng*: Là 3.716.000đ, gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 966.000đ và chi phí thẩm định giá là 2.750.000đ. Buộc anh Thái Văn H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thị Đ số tiền 3.716.000đ.

5. *Về án phí dân sự*: Bà Phạm Thị Đ được miễn nộp.

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc anh Thái Văn H phải nộp án phí với số tiền là 300.000đ.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* là 300.000đ, buộc anh Thái Văn H phải nộp. Theo đó, được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo biên lai thu số 0003917, ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh K (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán	**Thẩm phán**	**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**
Lê Quang Tấn	**Trần Bá Kha**	**Đặng Thị Bích Vân**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Vĩnh Thuận;
- THA dân sự huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Vân